SỞ GD VÀ ĐT ĐẮK LẮK

**TRƯỜNG THPT NGÔ GIATỰ**

 **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II NĂM HỌC 2021-2022**

**MÔN: ĐỊA LÍ 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung kiến thức/kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng** | **% tổng** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| ***Số CH*** | ***Thời gian****(phút)* |
| ***Số CH*** | ***Thời gian*** *(phút)* | ***Số CH*** | ***Thời gian*** *(phút)* | ***Số CH*** | ***Thời gian*** *(phút)* | ***Số CH*** | ***Thời gian*** *(phút)* | ***TN*** | ***TL*** |
| **1** | **A. Địa lí dịch vụ** | **A.**1.Vai trò, đặc điểm của ngành dịch vụ. Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố dịch vụ.**A.**2. Vai trò, đặc điểm của ngành giao thông vận tải. Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải.**A.**3. Địa lí ngành giao thông vận tải(Đường ô tô, đường biển, đường hàng không)**A.**4. Địa lí ngành thương mại. | **12** | 10 | **10** | 12.5 | **5** | 8.0 | **1\***\* | 1.5 | **28** | **0** | 32 | 70 |
| **2** | **B. Môi trường và sự phát triển bền vững** | **B.**1.Môi trường và tài nguyên thiên nhiên. | **4** | 2 | **2** | 2.5 | **2** | 2.5 | 1\*\* | 1.5 | **9** | **0** | 8.5 | 22.5 |
| **3** | **C. Kĩ năng**  | **C.1** Kĩ năng sử dụng bản đồ, Atlat; làm việc với bảng số liệu và biểu đồ |  |  |  |  |  **b\*** | 1.5 | 2 | 3.0 | **3** | **0** | 4.5 | 7.5 |
| **Tổng**  | **16** | 12.0 | **12** | 15.0 | **8** | 12 | **4** | 6.0 | **40** | **0** | 45.0 | 100 |
| **Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức** | **40** | **30** | **20** | **10** | **100%** |  |  |
| **Tỉ lệ chung** | **100%** |  | **100%** |  |  |

Lưu ý:

- Các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.

- Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu;

- (b\* ) Giáo viên có thể ra 01 câu hỏi cho đề kiểm tra ở mức độ vận dụng thuộc đơn vị kiến thức: **A.**1 hoặc **A.**2 hoặc **A.**3 hoặc **C.**1

- (1\*\*) Giáo viên có thể ra 01 câu hỏi cho đề kiểm tra ở mức độ vận dụng cao thuộc thuộc đơn vị kiến thức: **A.**1 hoặc **A.**2 hoặc **A.**3 hoặc **B.**1

**BẢNG ĐẶC TẢ KĨ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II**

**MÔN: ĐỊA LÍ 10 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT**

| **TT** | **Nội dung kiến thức/kĩ năng** | **Đơn vị kiến thức/kĩ năng** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng**  | **Vận dụng cao** |
| **1** | **A. Địa lí dịch vụ** | **A.**1.Vai trò, đặc điểm của ngành dịch vụ. Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố dịch vụ.**A.**2. Vai trò, đặc điểm của ngành GTVT. Các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải.**A.**3. Địa lí ngành giao thông vận tải.**A.**4. Địa lí ngành thương mại. |  **Nhận biết:***-* Trình bày được vai trò, cơ cấu các ngành dịch vụ. - Trình bày được vai trò, đặc điểm của ngành giao thông vận tải.- Trình bày được đặc điểm của ngành giao thông vận tải.- Trình bày được vai trò, đặc điểm phân bố của địa lí các ngành giao thông vận tải cụ thể.(Đường ô tô, đường biển, đường hàng không)- Trình bày được vai trò của ngành thương mại.- Trình bày được một số khái niệm (thị trường, cán cân xuất nhập khẩu). |  **12** |  |  |  |
| **Thông hiểu, Vận dụng**- Phân tích được ảnh hưởng của các nhân tố tới sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ.- Tính được Khối lượng luân chuyển, Cự li vận chuyển trung bình.- Phân tích các được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành giao thông vận tải:+ Điều kiện tự nhiên.+ Điều kiện kinh tế - xã hội.- Liên hệ thực tiễn các loại hình GTVT (Đường ô tô, đường biển, đường hàng không) ở nước ta- Tính được Cán cân xuất nhập khẩu,...- Trình bày được đặc điểm của thị trường thế giới. |  |  **10** | **5** | **1** |
| **2** | **B. Môi trường và sự phát triển bền vững** | **B.**1.Môi trường và tài nguyên thiên nhiên.. | **Nhận biết:**- Trình bày được khái niệm về môi trường.- Trình bày được khái niệm, phân loại tài nguyên thiên nhiên. | **4** |  |  |  |
| **Thông hiểu, Vận dụng**- Tìm hiểu được một số vấn đề môi trường trên phạm vi toàn cầu :  |  | **2** | **2** | **1** |
| **3** | **C. KĨ NĂNG** | **C.** Kĩ năng sử dụng bản đồ, Atlat; làm việc với bảng số liệu và biểu đồ | -Nhận xét biểu đồ, phân tích số liệu thống kê về một số ngành dịch vụ ( ngành GTVT, Thương mại) |  |  | **1** | **2** |
| **Tổng** |  | **16** | **12** | **8** | **4** |
| **Tỉ lệ % từng mức độ nhận thức** |  | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |

**Lưu ý:**

- Các câu hỏi trắc nghiệm khách quan 4 lựa chọn, trong đó có duy nhất 1 lựa chọn đúng.

- Số điểm tính cho 1 câu trắc nghiệm là 0,25 điểm/câu;

- (b\* ) Giáo viên có thể ra 01 câu hỏi cho đề kiểm tra ở mức độ vận dụng thuộc đơn vị kiến thức: **A.**1 hoặc **A.**2 hoặc **A.**3 hoặc **A**.4 hoặc **C.**1

- (1\*\*) Giáo viên có thể ra 01 câu hỏi cho đề kiểm tra ở mức độ vận dụng cao thuộc thuộc đơn vị kiến thức: **A.**1 hoặc **A.**2 hoặc **A.**3 hoặc **B.**1